CH

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: 70 /TNB
V/v công bố thông tin
báo cáo quản trị Công ty năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2021

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 01-02-2021
Số: 02842

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.
   Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
6. Loại thông tin công bố: ☐24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
   (Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo quản trị Công ty năm 2020
8. Địa chỉ Website : www.psw.vn. đăng tải toàn bộ Báo cáo quản trị Công ty năm 2020.
   Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1800722461 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ - Q.NINH KIỀU-TP.CẦN THƠ

Lê Thanh Tùng

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: 69 /BC – TNB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
(năm 2020)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Địa chỉ trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292). 3765.079 Fax: (0292).3765.078 Email:
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: PSW.
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 09/NQ-ĐHĐCĐ	09/06/2020	Phiên họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

II. Hội đồng quản trị (HĐQT):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Quý Hiển	CT. HĐQT	01/07/2013	
2	Trịnh Văn Khiêm	UV.HĐQT	11/01/2016	
3	Nguyễn Công Bằng	UV.HĐQT	15/11/2016	
4	Trần Tuấn Kiệt	UV.HĐQT	03/11/2017	
5	Lê Thanh Tùng	UV.HĐQT	20/04/2016	

2. Các cuộc họp HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Quý Hiển	CT. HĐQT	5/5	100%	
2	Trịnh Văn Khiêm	UV.HĐQT	4/5	80%	Vắng họp có lý do
3	Trần Tuấn Kiệt	UV.HĐQT	4/5	80%	Vắng họp có lý do
4	Lê Thanh Tùng	UV.HĐQT	5/5	100%	
5	Nguyễn Công Bằng	UV.HĐQT	5/5	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (BGĐ):

HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra, giám sát các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra Quyết định/Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc BGĐ Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị PSW không thành lập các tiểu ban.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp HĐQT, 13 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để thông qua một số nghị quyết/quyết định như sau:

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	03/01/2020	NQ về việc chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2020 của PSW
2	02/NQ-TNB	09/01/2020	NQ phiên họp quý 4/2019 của HĐQT Công ty
3	03/NQ-TNB	15/01/2020	NQ về việc chấp thuận quỹ lương thực hiện năm 2019
4	02/QĐ-TNB-HĐQT	17/02/2020	QĐ về việc phê duyệt và ban hành định mức hàng tồn kho và nợ phải thu của CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
5	04/NQ-TNB	04/03/2020	NQ về việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PSW
6	03/QĐ-TNB-HĐQT	27/03/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh phân bón của CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
7	04/QĐ-TNB-HĐQT	27/03/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm phân bón của CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
8	05/NQ-TNB	06/04/2020	NQ về việc tạm hoãn thời gian tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
9	06/NQ-TNB	07/04/2020	NQ phiên họp quý 1/2020 của HĐQT Công ty
10	07/NQ-TNB	07/04/2020	NQ về việc thông qua định mức đầu tư tiền gởi tại các

			TCTD và phê duyệt kế hoạch dòng tiền năm 2020
11	08/NQ-TNB	05/05/2020	NQ về việc thông qua phương án chuyển nhượng kho Thanh Bình - Đồng Tháp
12	09/NQ-ĐHĐCĐ	09/06/2020	NQ phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PSW
13	10/NQ-TNB	14/07/2020	NQ về việc phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020
14	11/NQ-TNB	17/07/2020	NQ phiên họp quý 2/2020 của HĐQT Công ty
15	12/NQ-TNB	31/07/2020	NQ về công tác cán bộ
16	13/NQ-TNB	07/08/2020	NQ vv thông qua chủ trương mua bảo hiểm cho CBNV
17	05/QĐ-TNB-HĐQT	24/08/2020	QĐ thôi giữ chức vụ giám đốc Công ty - ông Trịnh Văn Khiêm
18	06/QĐ-TNB-HĐQT	24/08/2020	QĐ bổ nhiệm chức vụ giám đốc Công ty - ông Nguyễn Công Bằng
19	07/QĐ-TNB-HĐQT	24/08/2020	QĐ v/v ký HĐLĐ đối với ông Nguyễn Công Bằng
20	14/NQ-TNB	28/08/2020	NQ v/v phân công nhiệm vụ trong HĐQT CTCP Phân bón và HCDK Tây Nam Bộ
21	15/NQ-TNB	15/10/2020	NQ phiên họp quý 3/2020 của HĐQT Công ty
22	16/NQ-TNB	16/10/2020	NQ v/v chi trả cổ tức năm 2019
23	17/NQ-TNB	29/10/2020	NQ v/v điều chỉnh chính sách nhân viên
24	02/ NQ-TNB	15/01/2021	NQ phiên họp quý 4/2020 của HĐQT Công ty

III. Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Mai Hồng Khánh	TBKS	01/01/2011	
2	Bà Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	20/04/2016	
3	Bà Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	20/04/2016	

2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Hồng Khánh	TBKS	5/5	100%	100%	
2	Bà Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	5/5	100%	100%	
3	Bà Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	5/5	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BGĐ điều hành và cổ đông:

3.1. Một số chỉ tiêu BCTC

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019
I.TỔNG TÀI SẢN	**239.224.842.423**	**241.561.302.357**
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.677.224.390	38.923.380.669
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	20.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	50.713.183.050	72.684.091.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	104.550.000	4.501.450.000
Phải thu ngắn hạn khác	50.750.685	367.065.011
Hàng tồn kho	41.425.658.763	81.493.973.710
Tài sản ngắn hạn khác	117.238.821	14.761.233
Tài sản cố định	21.256.141.378	22.069.050.240
Bất động sản đầu tư	-	
Tài sản dở dang dài hạn	-	-
Tài sản dài hạn khác	880.095.336	1.507.529.702
II.TỔNG NGUỒN VỐN	**239.224.842.423**	**241.561.302.357**
Nợ ngắn hạn	43.202.867.971	43.733.492.495
Vốn chủ sở hữu	196.021.974.452	197.827.809.862

a. Kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.804.013.899.217	1.805.466.854.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.239.284.645	16.388.114.950
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	1.775.774.614.572	1.789.078.739.991
4. Giá vốn hàng bán	1.727.861.100.782	1.742.348.861.790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	47.913.513.790	46.729.878.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.805.493.042	3.445.853.224
7.Chi phí tài chính	219.023.643	94.267.904
- Trong đó: Chi phí lãi vay	218.993.643	94.258.904
8. Chi phí bán hàng	27.101.025.523	29.400.264.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.922.146.646	17.599.077.094

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20 + (21 - 22) - (25 + 26))	5.476.811.020	3.082.122.167
11. Thu nhập khác	5.008.288.506	4.420.546.481
12. Chi phí khác	6.459.188	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5.001.829.318	4.420.546.481
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	10.478.640.338	7.502.668.648
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.110.934.600	1.513.100.770
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	8.367.705.738	5.989.567.878
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		

b. Một số chỉ số tài chính tại thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	4,2%	3,0%
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	4,9%	3,5%
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	3,5%	2,7%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,5%	0,3%
4	Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu thuần	0,03	0,03
6	Vòng quay tổng tài sản	7,39	6,84
7	Vòng quay hàng tồn kho	28,11	17,46
8	Tổng nợ / Tổng tài sản	0,18	0,18
9	Khả năng thanh toán hiện hành	5,02	4,98
10	Khả năng thanh toán nhanh	4,06	3,12

(Ghi chú: Số liệu trên được ghi nhận trước kiểm toán)

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát rà số liệu phát sinh và được ghi nhận trong các kỳ BCTC của Công ty với mục tiêu chú trọng vào các vấn đề trọng yếu, kiểm soát mức độ bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- Giám sát tình hình triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; Giám sát việc thực hiện các Qui chế, qui định của Công ty.
- Thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý.
- Tình hình chi trả cổ tức năm 2019: đã được thực hiện theo NQ số 09/NQ-HĐQT ngày 09/06/2020 (5%/mệnh giá cổ phần).

- Công ty không thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2020 và dự kiến sẽ chi cổ tức sau khi Đại hội đồng CĐ thông qua tỷ lệ chi cổ tức năm 2020.

5. Hoạt động khác của BKS:

BKS xây dựng kế hoạch hoạt động và phân công từng thành viên để thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Ban điều hành

Stt	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Trịnh Văn Khiêm	21/02/1973	Thạc sỹ quản trị Kinh doanh	Miễn nhiệm giám đốc ngày 24/08/2020
2	Nguyễn Công Bằng	10/09/1977	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm giám đốc ngày 24/08/2020
3	Lê Thanh Tùng	17/12/1978	Thạc sỹ Tài chính Ngân Hàng	Bổ nhiệm Phó Giám đốc ngày 29/04/2016

V. Kế toán trưởng.

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Nguyễn Thành Công	09/06/1978	Thạc sỹ kinh tế	Bổ nhiệm lại ngày 27/02/2018

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành và Thư ký công ty đã tham gia khóa học về quản trị công ty. Ngoài ra, Người công bố thông tin, Chủ tịch HĐQT và Thư ký công ty đã tham gia các hội thảo chuyên đề về cập nhật Luật, thông tư, Quan hệ nhà đầu tư và quan hệ công chúng do UBCKNN, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty của Công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính công ty:

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty (***Đính kèm phụ lục 1***)
   Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH:
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ. Có
   (Đính kèm phụ lục 2)
   Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*:

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát. Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): không.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành. Không

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành. Không.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (năm 2020)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Đính kèm bảng kê chi tiết **Phụ lục 3**)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết. Không có

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 1800722... CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ Q.NINH KIỀU-TP.CẦN THƠ

Phạm Quý Hiển

Phụ lục 1

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Phạm Qúy Hiển		Chủ tịch HĐQT			01/07/2013		
2	Trịnh Văn Khiêm		Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc			06/09/2019		Ngày 24/08/2020 miễn nhiệm chức vụ Giám đốc
3	Trần Tuấn Kiệt		Ủy viên HĐQT			03/11/2017		
4	Lê Thanh Tùng		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc			20/04/2016		
5	Nguyễn Công Bằng		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc			15/11/2016		Ngày 24/08/2020 bổ nhiệm chức vụ Giám đốc
6	Mai Hồng Khánh	035C002 452	Trưởng Ban kiểm soát			01/01/2011		
7	Bùi Trịnh Vân Anh		Thành viên BKS			20/04/2016		
8	Phạm Thị Á Châu		Thành viên BKS			20/04/2016		
9	Nguyễn Thành Công		Kế toán trưởng			01/02/2018		Tái bổ nhiệm

Phụ lục 2

THÔNG TIN CÁC GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CÁC CÁ NHÂN/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN GIAO DỊCH MUA BÁN PHÂN BÓN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngày ký HĐ/giao dịch	Số hiệu HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch	Ghi chú
1	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	03/01/2020	17/2019/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
2	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	03/01/2020	17/2019/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
3	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/01/2020	26/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
4	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/01/2020	25/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
5	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/01/2020	38/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
6	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/02/2020	38/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
7	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/02/2020	56/2019/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
8	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/02/2020	62-92A/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
9	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/02/2020	68/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
10	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/02/2020	79/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua

11	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/02/2020	77/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
12	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/02/2020	77/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
13	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	05/03/2020	78/2020/PSE/KD-TNB/B-KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
14	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	03/03/2020	94/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-DAP	Phân bón DAP PM	Mua
15	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/03/2020	110/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
16	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	12/03/2020	113/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
17	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/03/2020	127/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
18	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/03/2020	128/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
19	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/03/2020	129/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
20	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/03/2020	181/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
21	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/03/2020	181/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
22	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/03/2020	127/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
23	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/04/2020	195/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
24	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	196/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
25	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	195/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
26	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013,	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	197/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua

			tại Sở KH&ĐT Tp HCM					
27	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	197/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
28	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/04/2020	216/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
29	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/04/2020	220/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
30	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/04/2020	224/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
31	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/04/2020	231/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
32	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/04/2020	224/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
33	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	06/05/2020	260/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
34	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/05/2020	266/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
35	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	277/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
36	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
37	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
38	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/05/2020	281/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
39	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/05/2020	281/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
40	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/05/2020	281/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
41	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

42	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
43	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/05/2020	266/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
44	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/05/2020	300-309/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
45	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
46	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
47	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/05/2020	266/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
48	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	04/06/2020	325/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
49	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	04/06/2020	325/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
50	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
51	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
52	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
53	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
54	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
55	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/06/2020	341/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
56	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	17/06/2020	272/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
57	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/06/2020	352/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

58	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/06/2020	352/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
59	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	25/06/2020	374/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
60	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/06/2020	341/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
61	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/06/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
62	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/06/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
63	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/06/2020	391/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
64	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	02/07/2020	332/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
65	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	07/07/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
66	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/06/2020	399/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
67	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/07/2020	417/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
68	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/07/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
69	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	16/07/2020	426/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
70	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	16/07/2020	426/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
71	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	27/07/2020	368/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
72	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013,	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

			tại Sở KH&ĐT Tp HCM					
73	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
74	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
75	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
76	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
77	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
78	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
79	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
80	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
81	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/08/2020	471/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
82	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	05/08/2020	456/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
83	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/08/2020	456/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
84	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/08/2020	464-465/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
85	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/08/2020	468/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

86	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	11/08/2020	415/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	
87	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/08/2020	479/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
88	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	24/08/2020	482-511/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
89	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	25/08/2020	490-497A/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
90	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/08/2020	495/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón NPK PM	Mua
91	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	27/08/2020	495/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón NPK PM	Mua
92	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	27/08/2020	444/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
93	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	04/09/2020	477/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
94	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	07/09/2020	479/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
95	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/09/2020	522/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
96	PVFCCo	nt	nt	nt	11/09/2020	522/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
97	PVFCCo	nt	nt	nt	29/09/2020	560/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
98	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
99	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
100	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

101	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
102	PVFCCo	nt	nt	nt	02/10/2020	569/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
103	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	05/10/2020	545/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
104	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	12/10/2020	579/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
105	PVFCCo	nt	nt	nt	14/10/2020	582/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
106	PVFCCo	nt	nt	nt	15/10/2020	585/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
107	PVFCCo	nt	nt	nt	19/10/2020	590/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
108	PVFCCo	nt	nt	nt	22/10/2020	594/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
109	PVFCCo	nt	nt	nt	22/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
110	PVFCCo	nt	nt	nt	26/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
111	PVFCCo	nt	nt	nt	30/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
112	PVFCCo	nt	nt	nt	30/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
113	PVFCCo	nt	nt	nt	30/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
114	PVFCCo	nt	nt	nt	15/10/2020	569/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
115	PVFCCo	nt	nt	nt	03/11/2020	590-634/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
116	PVFCCo	nt	nt	nt	03/11/2020	594-639-648/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua

117	PVFCCo	nt	nt	nt	03/11/2020	619/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón NPK PM	Mua
118	PVFCCo	nt	nt	nt	13/11/2020	619/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
119	PVFCCo	nt	nt	nt	17/11/2020	619/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
120	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	17/11/2020	614/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
121	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/11/2020	651/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
122	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	590-634/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
123	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	594-639-648/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
124	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
125	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
126	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
127	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
128	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
129	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
130	PVFCCo	nt	nt	nt	16/11/2020	BB410	Phân bón NPK PM	Mua
131	PVFCCo	nt	nt	nt	07/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
132	PVFCCo	nt	nt	nt	07/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

133	PVFCCo	nt	nt	nt	07/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
134	PVFCCo	nt	nt	nt	18/12/2020	719/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
135	PVFCCo	nt	nt	nt	19/12/2020	718/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
136	PVFCCo	nt	nt	nt	19/12/2020	718/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
137	PVFCCo	nt	nt	nt	20/12/2020	717/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
138	PVFCCo	nt	nt	nt	22/12/2020	711/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
139	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh,P.24,Q.BT, TP.HCM	23/12/2020	713/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
140	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/12/2020	786/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
141	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

GIAO DỊCH THỰC HIỆN DỊCH VỤ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngày ký HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch
1	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đỉnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	34/2020/PVFCCo/PB-PVFCCo-SW/D_BX-GN-VC-LK ngày 08/01/2020	Thực hiện dịch vụ bốc xếp, vận chuyển, lưu kho, vận chuyển
2	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đỉnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	HĐ số 104/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D_QC ngày 05/03/2020	HĐDV quảng cáo và dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón Phú Mỹ
3	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đỉnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	HĐ số 121/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D_VCDA ngày 16/03/2020	HĐ bốc xếp, vận chuyển, giao nhận quà tặng khuyến mãi là dầu ăn Tường An 250ml
4	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đỉnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	HĐ số 271/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D_QC ngày 15/05/2020	HĐDV quảng cáo và dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón Phú Mỹ.
	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đỉnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	602/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D-QC ngày 26/10/2020	Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng cho sản phẩm phân bón Phú Mỹ

Ghi chú: Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí - CTCP (PVFCCo) là Cổ đông lớn (CĐL) ; Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí Đông Nam Bộ (PVFCCo-SE); Cổ đông lớn (CĐL)

Phụ lục 3

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	*2*		*4*	*6*	*7*	*10*	*12*	*13*	*14*
I	**Cổ đông nội bộ và người có liên quan**								
Thành viên Hội đồng quản trị									
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)			0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đỉnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	Nắm giữ cổ phần sở hữu kể từ ngày 03/06/2016	5.100.000	30%	Chủ sở hữu vốn do ông Phạm Quý Hiển là đại diện sở hữu PVFCCo
	Phạm Qúy Hiển		Chủ tịch HĐQT		32B/1 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM		11.000	*0,06%*	
Danh sách người có liên quan									
1.1	Võ Thị Năm				Ấp Cầu Xáng, Tân Bình, Phụng Hiệp, Hậu Giang				Mẹ vợ
1.2	Dương Thanh Thúy				Thị Trấn Rạch Gòi, xã Tân Bình, Phụng Hiệp, HG				Vợ
1.3	Phạm Quỳnh Nhật Phương				32B/1 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM				Con
1.4	Phạm Quỳnh Phương Anh				32B/1 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM				Con
1.5	Phạm Quang Khải				294/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM				Anh
1.6	Đặng Thị Hòa				P.Bồ xuyên, TP. Thái Bình				Chị dâu
1.7	Phạm Thị Nguyệt				Số 8 ngõ 464, ngách 35/3 Âu Cơ, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, TP.HNội				Chị
1.8	Phạm Mạnh Thuân				294/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q. Bình Thạnh,				Anh

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
					TP.HCM				
1.9	Văn Thị Hòa				294/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM				Chị dâu
1.10	Phạm Thi Thu				171 Đường TL16, P.Thạnh Lộc, Q.12, TP.THC				Chị
1.11	Trần Văn Đáo				Q. Hồ Tây, Hà Nội				Anh rể
1.12	Phạm Thị Xuân				32B/1 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM				Chị
2	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)			0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM		3.400.000	20%	Thôi không nắm giữ cổ phần sở hữu PVFCCo kể từ ngày 24/08/2020
	Trịnh Văn Khiêm		**Ủy viên HĐQT**		**45/01 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận Tân Bình, HCM**		0	*0%*	Tham gia thành viên HĐQT Ngày 11/1/2016
Danh sách người có liên quan									
2.1	Nguyễn Thị An				Xã Bách Thuận,Vũ Thư, Thái Bình				Mẹ ruột
2.2	Nguyễn Trung Tú				02/01, Ngõ 228, Lê Thánh Tông, TP. Thái Bình				Bố vợ
2.3	Nguyễn Thị Phi				02/01, Ngõ 228, Lê Thánh Tông, TP. Thái Bình				Mẹ vợ
2.4	Nguyễn Thị Bích Nhung				45/01 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận Tân Bình, HCM				Vợ
2.5	Trịnh Nguyễn Thái Minh				45/01 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận Tân Bình, HCM				Con
2.6	Trịnh Nguyễn Nhật Minh				45/01 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận Tân Bình, HCM				Con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
2.7	Trịnh Thị Nhàn				10A ngách 460/55, Thụy Khuê, Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội				Chị
2.8	Hà Minh Chấn				10A ngách 460/55, Thụy Khuê, Bưởi, Tây Hồ, Hà Nộ				Anh rể
2.9	Trịnh Văn Lân				Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình				Anh
2.10	Trần Thị Liên				Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư,Tỉnh Thái Bình				Chị dâu
2.11	Trịnh Văn Bộ				258/28 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, TP.HCM				Anh
2.12	Nguyễn Thị Biên				258/28 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, TP.HCM				Chị dâu
2.13	Trịnh Văn Bang				4M/1 Khu phố 3, Hiệp Thành,Quận 12, TP.HCM				Anh
2.14	Nguyễn Thị Tầm				4M/1 Khu phố 3, Hiệp Thành,Quận 12, TP.HCM				Chị dâu
2.15	Trịnh Văn Phước				438, Tổ 22, Lê Quý Đôn, Phường Trần Lãm, TP. Thái Bình				Anh
2.16	Lê Thị Vinh				438, Tổ 22, Lê Quý Đôn, Phường Trần Lãm, TP. Thái Bình				Chị dâu
2. 17	Trịnh Văn Phiên				45/11 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh				Anh
2.18	Trần Thị Năm				45/11 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận tân Bình, TP. Hồ Chí Minh				Chị dâu
2.19	Trịnh Văn Phức				171/26 Nguyễn Tư Giản, Phường 12, Quận Tân Bình				Anh
2.20	Dương Thị Phương Tình				171/26 Nguyễn Tư Giản, Phường 12, Quận Tân Bình				Chị dâu
2.21	Trịnh Thị Thư				76, Ngõ 439, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, Tỉnh				Chị

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
					Thái Bình				
2.22	Nguyễn Văn Hải				76, Ngõ 439, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình				Anh rể
2.23	Nguyễn Thị Quỳnh Nga				Kỳ Bá, TP.Thái Bình				Em vợ
2.24	Nguyễn Trung Hải				45/30 Lê Văn Huân, Phường 13 Quận Tân Bình, TP.HCM				Em vợ
3	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)			0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	Nắm giữ cổ phần sở hữu kể từ ngày 24/08/2020	3.400.000	20%	Chủ sở hữu vốn do ông Nguyễn Công Bằng là đại diện sở hữu PVFCCo
	Nguyễn Công Bằng	307089 tại SSI	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	025899154 ngày 03/06/2014 CA TP.HCM	B-16.04, Chung cư thủy lợi 4, 205 Nguyễn Xí, Phường 06, Quận Bình Thạnh TP.HCM	Tham gia thành viên HĐQT Ngày 15/11/2016			
3.1	Nguyễn Thị Hường				Quảng Bình				Mẹ vợ
3.2	Nguyễn Thái Thiên				Quận cầu Giấy, Hà Nội				Anh ruột
3.3	Hoàng Thị Kim Chi				Quận cầu Giấy, Hà Nội				Chị dâu
3.4	Nguyễn Thị Lý				TP. Vũng Tàu				Chị ruột
3.5	Nguyễn Thị Lài				Quảng Bình				Chị ruột
3.6	Lê Văn Năm				Quảng Bình				Anh rể
3.7	Nguyễn Thị Cúc				TP. Vũng Tàu				Chị ruột
3.8	Nguyễn Thành Nhân				TP. Vũng Tàu				Chị ruột
3.9	Trần Ngọc Anh				Tp. Vũng Tàu				Anh rể
3.12	Nguyễn Thị Trà				Quận Bình Thạnh, Tp. HCM				Vợ
3.13	Nguyễn Lê Mộc An				Quận Bình Thạnh, Tp. HCM				Con
4	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)			0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	Nắm giữ cổ phần sở hữu kể từ ngày 03/06/2016	2.125.000	12,5%	Chủ sở hữu vốn do ông Lê Thanh

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
									Tùng là đại diện sở hữu PVFCCo
	Lê Thanh Tùng		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc		Thị trấn Thọ Xuân, Thanh Hóa	Tham gia thành viên HĐQT Ngày 03/06/2016	600	*0%*	
Danh sách người có liên quan									
4.1	Nguyễn Thị Khởi				Thị trấn Thọ Xuân, Thanh Hóa				Mẹ ruột
4.2	Lê Năng Lương				Thị trấn Thọ Xuân, Thanh Hóa				Bố vợ
4.3	Hà Thị Phượng				Thị trấn Thọ Xuân, Thanh Hóa				Mẹ vợ
4.4	Lê Quỳnh Chang				Bình Thạnh, TP.HCM				Vợ
4.5	Lê Huyền Minh Anh				Bình Thạnh, TP.HCM				Con
4.6	Lê Ngọc Thạch				Bình Thạnh, TP.HCM				Anh
4.7	Nguyễn Thị Minh Hiền				Bình Thạnh, TP.HCM				Chị dâu
5	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)			0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	Nắm giữ cổ phần sở hữu kể từ ngày 03/11/2017	2.125.000	12,5%	Chủ sở hữu vốn do ông Trần Tuấn Kiệt là đại diện sở hữu PVFCCo
	Trần Tuấn Kiệt		**Ủy viên HĐQT**	**320943754 Ngày cấp: 16/5/2014 CA tỉnh Bến Tre**	**C37, Chung cư Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh**	Tham gia thành viên HĐQT Ngày 03/11/2017			
Danh sách người có liên quan									
5.1	Trần Anh Tuấn				D7 KP.5, Phường Phú Khương, Tp. Bến Tre				Cha ruột
5.2	Nguyễn Kim Huyên				D7 KP.5, Phường Phú Khương, Tp. Bến Tre				Mẹ ruột
5.3	Trần Thị Huyền Trân				236/32 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, Tp.HCM				Chị

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
5.4	Võ Thị Ngọc Cẩm				C37 chung cư Bình Thới, P 8, Q 11, Tp.HCM				Vợ
5.5	Trần Ngọc Khuê				C37 chung cư Bình Thới, P 8, Q 11, Tp.HCM				Con
5.6	Trần Ngọc Gia Khánh				C37 chung cư Bình Thới, P 8, Q 11, Tp.HCM				Con
Ban kiểm soát									
1	**Mai Hồng Khánh**	**035C002452**	**Trưởng Ban kiểm soát**	**011965277 ngày 05/02/2011 tại CA. Hà Nội**	**259 Lê Văn Lương, P. Tân Quy, Quận 7, TP. HCM**	Tham gia thành viên BKS Ngày 20/4/2016	*1.000*	*0,01%*	
Danh sách người có liên quan									
1.1	Mai Bá Thiện				P309b, 111 Láng hạ, Đống Đa, Hà Nội				Cha ruột
1.2	Đặng Thị Hòa				P309b, 111 Láng hạ, Đống Đa, Hà Nội				Mẹ ruột
1.3	Vũ Mạnh Trấn				26 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội				Cha chồng
1.4	Trịnh Thị Thuấn				26 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội				Mẹ chồng
1.5	Vũ Khánh Thiện				26 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội				Chồng
1.6	Vũ Hoàng Quân				26 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội				Con
1.7	Vũ Hoàng Yến				nt				con
2	**Bùi Trịnh Vân Anh**		**Thành viên BKS**		**188/15F, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ**	Tham gia thành viên BKS Ngày 20/4/2016			
Danh sách người có liên quan									
2.1	Bùi Văn Đằng				188/15F, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ				Cha ruột
2.2	Trịnh Thị Hinh				188/15F, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ				Mẹ ruột
2.3	Trần Thị Ựng				-Ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn,				Mẹ chồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
					Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang				
2.4	Huỳnh Trần Vĩ				188/15F, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ				Chồng
2.5	Huỳnh Phương Vy				nt				Con
2.6	Huỳnh Phúc Thiên				nt				Con
2.7	Bùi Trịnh Hồng Anh				270/29, Lê Bình, Phường hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ				Em
2.8	Nguyễn Khắc Sơn				270/29, Lê Bình, Phường hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp Cần Thơ				Em rễ
3	**Phạm Thị Á Châu**		**Thành viên BKS**		**Số 632, ấp Mỹ Hưng Hòa, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp**	Tham gia thành viên BKS Ngày 20/4/2016	**0**	*0%*	
Danh sách người có liên quan									
3.1	Phạm Minh Trị				Số 632, ấp Mỹ Hưng Hòa, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp				Cha ruột
3.2	Trần Thị Nga				Số 632, ấp Mỹ Hưng Hòa, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp				Mẹ ruột
3.3	Lê Văn Lợi				Ấp Bắc A - Điềm Hy – Châu Thành – Tiền Giang				Cha chồng
3.4	Huỳnh Thị Đặng				Ấp Bắc A - Điềm Hy – Châu Thành – Tiền Giang				Mẹ chồng
3.5	Lê Quang Công				Ấp Bắc A, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, Tiền Giang				Chồng
3.6	Lê Phạm Thanh Nghi				Số 632, ấp Mỹ Hưng Hòa, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp				Con
3.7	Phạm Trần Chinh				Số 632, ấp Mỹ Hưng Hòa, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp				Anh ruột
3.8	Lê Thị Tuyết Sương				Số 632, ấp Mỹ Hưng Hòa, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh,				Chị dâu

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
					Đồng Tháp				
3.9	Phạm Thị Thu Hồ				231E/40 Dương Bá Trạc, P.1, Q.8, Tp.HCM				Chị ruột
3.10	Nguyễn Công Luật				231E/40 Dương Bá Trạc, P.1, Q.8, Tp.HCM				Anh rể
3.11	Phạm Thị Sử Nhược				19/8 Nguyễn Văn Luông, P.10, Q.6, Tp.HCM				Chị ruột
3.12	Trần Tấn Lâm				19/8 Nguyễn Văn Luông, P.10, Q.6, Tp.HCM				Anh rể
Kế toán trưởng									
1	**Nguyễn Thành Công**		**Kế toán Trưởng**		**190/2C đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ**	**Nguyễn Thành Công**	1.200	0,01%	
Danh sách người có liên quan									
1.1	Nguyễn văn Khiêm				ấp Thành Nghĩa, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long				Cha ruột
1.2	Nguyễn Thị Ngon				nt				Mẹ ruột
1.3	Hồ Hữu Lộc				190/2C đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ				Cha vợ
1.4	Nguyễn Thị Hương				190/2C đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ				Mẹ vợ
1.5	Hồ Hồng Liên				190/2C đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ				Vợ
1.6	Nguyễn Hồ Ngọc Hà				nt				Con
1.7	Nguyễn Hồ Thảo My				nt				Con
1.8	Nguyễn Kim Phước				xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng				Anh
1.9	Lương Thị Tích				xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng				Chị dâu
1.10	Nguyễn Kim Đơn				xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long				Chị

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1.11	Nguyễn Văn Ngon				xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long				Anh rể
1.12	Nguyễn Thị Kim Huệ				Thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long				Chị
1.13	Bùi Văn Thanh				Thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long				Anh rể
1.14	Nguyễn Ngọc Phỉ				ấp Thành Nghĩa, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long				Em
1.15	Lưu Thanh Xuyên				xã Lonh Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long				Em rể
1.16	Nguyễn Văn Tám				Nt				Em
1.17	Nguyễn Kim Chúc				Nt				Em
01	**Phùng Hiếu Nghĩa**	**009C802332**	**Thư ký công ty, phụ trách quản trị**		**Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ**	Ngày 11/01/2018			
Danh sách người có liên quan									
1.1	Phùng Quốc Tín				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ				Bố
1.2	Nguyễn Thị Nhuần				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ				Mẹ
1.3	Trần Văn Thuấn				Khu vực Bình An, Phước Thới , Ô môn, TPCT				Bố vợ
1.4	Nguyễn Thị Hồng				Khu vực Bình An, Phước Thới , Ô môn, TPCT				Mẹ vợ
1.5	Trần Thị Cẩm Nhung				KV Bình An, Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ				Vợ
1.6	Phùng Thủy Nhật Thơ				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ				con
1.7	Phùng Hữu Nhật Huy				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ				con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
					TP.Cần Thơ				
1.8	Phùng Hữu Nhật Hiếu				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ				con
1.9	Phùng Hữu Quốc Trung				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ				Em
1.10	Thân Thị Thu Hương				D65A KP4 Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai				Em dâu
1.11	Phùng Thị Phương Thúy				Ấp 1, Thạnh Phú, Cờ Đỏ TP.Cần Thơ				Em
1.12	Hồ Minh Chí				Thới Thạnh, Giai xuân, Phong Điền, Tp. Cần Thơ				Em rể
Ban Giám đốc									
1	**Nguyễn Công Bằng**		Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc				0	*0%*	Bổ nhiệm Ngày 24/08/2020
	Thông tin tương tự như trên								
2	**Lê Thanh Tùng**		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc				600	*0%*	
	Thông tin tương tự như trên								
	Thông tin tương tự như trên								
Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan									
1	**Lê Thanh Tùng**		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc				600	*0%*	
	Thông tin tương tự như trên								